

PHỤ LỤC
DANH SÁCH NHÀ Ở HÌNH THÀNH TRONG TƯƠNG LAI ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC BÁN, THUÊ MUA
DỰ ÁN NHÀ Ở XÃ HỘI KHU ĐÔ THỊ PHÚ CƯỜNG PHÚ QUÝ - ĐỢT 1
(NHÀ Ở XÃ HỘI LIỀN KÈ KHU ĐÔ THỊ CƯỜNG PHÚ QUÝ – LÔ S1 ĐẾN S10)

Kèm theo Thông báo số: 6981/TB - SXD ngày 03 tháng 7 năm 2026 của Sở Xây dựng

TT	THÔNG TIN CÔNG TRÌNH				DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH(M2)					Tên đường	Ghi chú
	Ký hiệu lô	Căn	Số căn	Tầng cao	Diện tích đất (m2)	Tổng Diện tích đất (m2)	Tổng Diện tích xây dựng (m2)	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Tổng Diện tích sàn (m2)		
1	S1	01	1	02 tầng	68,45	68,45	50,40	106,80	106,80	Đường Phú Quý 5C	NOXH 1 trệt 01 lầu
		02-10	9		69,30	623,70	453,60	107,21	964,89		
		11-22	12		69,30	831,60	604,80	107,21	1.286,52		
		23-35	13		69,30	900,90	655,20	107,21	1.393,73		
		36	1		69,55	69,55	53,28	110,28	110,28		
		37	1		69,55	69,55	53,28	110,28	110,28	Đường Phú Quý 6	NOXH 1 trệt 01 lầu
		38-50	13		69,30	900,90	655,20	107,21	1.393,73		
		51-62	12		69,30	831,60	604,80	107,21	1.286,52		
		63-75	13		69,30	900,90	655,20	107,21	1.393,73		
		01	1		69,55	69,55	53,28	110,28	110,28	Đường Phú Quý 5C	NOXH 1 trệt 01 lầu
		02-14	13		69,30	900,90	655,20	107,21	1.393,73		
		15-28	14		69,30	970,20	705,60	107,21	1.500,94		
		29-41	13		69,30	900,90	655,20	107,21	1.393,73		

TT	THÔNG TIN CÔNG TRÌNH				DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH(M2)					Tên đường	Ghi chú
	Ký hiệu lô	Căn	Số căn	Tầng cao	Diện tích đất (m2)	Tổng Diện tích đất (m2)	Tổng Diện tích xây dựng (m2)	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Tổng Diện tích sàn (m2)		
2	S2	42	1	02 tầng	69,55	69,55	53,28	110,28	110,28	Đường Phú Quý 6	NOXH 1 trệt 01 lầu
		43	1		69,55	69,55	53,28	110,28	110,28		
		44-56	13		69,30	900,90	655,20	107,21	1.393,73		
		57-70	14		69,30	970,20	705,60	107,21	1.500,94		
		71-83	13		69,30	900,90	655,20	107,21	1.393,73		
		84	1		69,55	69,55	53,28	110,28	110,28		
3	S3	01	1	02 tầng	69,66	69,66	58,81	118,4	118,40	Đường Phú Quý 6	NOXH 1 trệt 01 lầu
		02-05	4		69,75	279,00	216,00	113,36	453,44		
		06-15	10		69,75	697,50	540,00	113,36	1.133,60		
		16-28	13		69,75	906,75	702,00	113,36	1.473,68		
		29-40	12		69,75	837,00	648,00	113,36	1.360,32		
		41	1		69,50	69,50	56,36	115,97	115,97		
		42	1		69,50	69,50	56,36	115,97	115,97	Đường Phú Quý 12B	NOXH 1 trệt 01 lầu
		43-54	12		69,75	837,00	648,00	113,36	1.360,32		
		55-67	13		69,75	906,75	702,00	113,36	1.473,68		
		68-77	10		69,75	697,50	540,00	113,36	1.133,60		
		78-84	7		69,75	488,25	378,00	113,36	793,52		

TT	THÔNG TIN CÔNG TRÌNH				DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH(M2)					Tên đường	Ghi chú
	Ký hiệu lô	Căn	Số căn	Tầng cao	Diện tích đất (m2)	Tổng Diện tích đất (m2)	Tổng Diện tích xây dựng (m2)	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Tổng Diện tích sàn (m2)		
4	S4	01-09	9	02 tầng	69,75	627,75	486,00	113,52	1.021,68	Đường Phú Quý 6	NOXH 1 trệt 01 lầu
		10-16	7		69,75	488,25	378,00	113,52	794,64		
		17	1		69,50	69,50	56,36	115,15	115,15		
		18	1		69,50	69,50	56,36	115,15	115,15	Đường Phú Quý 12B	NOXH 1 trệt 01 lầu
		19-25	7		69,75	488,25	378,00	113,52	794,64		
		26-34	9		69,75	627,75	486,00	113,52	1.021,68		
5	S5	01	1	02 tầng	66,92	66,92	53,85	111,48	111,48	Đường Phú Quý 12B	NOXH 1 trệt 01 lầu
		02-09	8		69,75	558,00	432,00	113,52	908,16		
		10-22	13		69,75	906,75	702,00	113,52	1.475,76		
		23-35	13		69,75	906,75	702,00	113,52	1.475,76		
		36-47	12		69,75	837,00	648,00	113,52	1.362,24		
		48	1		69,50	69,50	56,36	115,15	115,15		
		49	1		69,50	69,50	56,36	115,15	115,15	Đường Phú Quý 16A	NOXH 1 trệt 01 lầu
		50-61	12		69,75	837,00	648,00	113,52	1.362,24		
		62-74	13		69,75	906,75	702,00	113,52	1.475,76		
		75-87	13		69,75	906,75	702,00	113,52	1.475,76		
		88-98	11		69,75	767,25	594,00	113,52	1.248,72		

TT	THÔNG TIN CÔNG TRÌNH				DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH(M2)					Tên đường	Ghi chú
	Ký hiệu lô	Căn	Số căn	Tầng cao	Diện tích đất (m2)	Tổng Diện tích đất (m2)	Tổng Diện tích xây dựng (m2)	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Tổng Diện tích sàn (m2)		
6	S6	01	1	02 tầng	69,50	69,50	56,36	115,97	115,97	Đường Phú Quý 12B	NOXH 1 trệt 01 lầu
		02-13	12		69,75	837,00	648,00	113,36	1.360,32		
		14-26	13		69,75	906,75	702,00	113,36	1.473,68		
		27-38	12		69,75	837,00	648,00	113,36	1.360,32		
		39	1		69,50	69,50	56,36	115,97	115,97		
		40	1		69,50	69,50	56,36	115,97	115,97	Đường Phú Quý 16A	NOXH 1 trệt 01 lầu
		41-52	12		69,75	837,00	648,00	113,36	1.360,32		
		53-65	13		69,75	906,75	702,00	113,36	1.473,68		
		66-77	12		69,75	837,00	648,00	113,36	1.360,32		
		78	1		69,50	69,50	56,36	115,97	115,97		
7	S7	01	1	02 tầng	69,50	69,50	56,36	115,97	115,97	Đường Phú Quý 16A	NOXH 1 trệt 01 lầu
		02-13	12		69,75	837,00	648,00	113,36	1.360,32		
		14-25	12		69,75	837,00	648,00	113,36	1.360,32		
		26-37	12		69,75	837,00	648,00	113,36	1.360,32		
		38	1		69,50	69,50	56,36	115,97	115,97		
		39	1		69,50	69,50	56,36	115,97	115,97		
		40-51	12		69,75	837,00	648,00	113,36	1.360,32		

TT	THÔNG TIN CÔNG TRÌNH				DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH(M2)					Tên đường	Ghi chú
	Ký hiệu lô	Căn	Số căn	Tầng cao	Diện tích đất (m2)	Tổng Diện tích đất (m2)	Tổng Diện tích xây dựng (m2)	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Tổng Diện tích sàn (m2)		
8	S8	52-63	12		69,75	837,00	648,00	113,36	1.360,32	Đường Phú Quý 7C	NOXH 1 trệt 01 lầu
		64-75	12		69,75	837,00	648,00	113,36	1.360,32		
		76	1		69,50	69,50	56,36	115,97	115,97		
		01	1	02 tầng	69,50	69,50	56,36	115,15	115,15	Đường Phú Quý 16A	NOXH 1 trệt 01 lầu
		02-13	12		69,75	837,00	648,00	113,52	1.362,24		
		14-26	13		69,75	906,75	702,00	113,52	1.475,76		
		27-38	12		69,75	837,00	648,00	113,52	1.362,24		
		39	1		69,50	69,50	56,36	115,15	115,15		
		40	1		69,50	69,50	56,36	115,15	115,15	Đường Phú Quý 7C	NOXH 1 trệt 01 lầu
		41-52	12		69,75	837,00	648,00	113,52	1.362,24		
		53-65	13		69,75	906,75	702,00	113,52	1.475,76		
		66-77	12		69,75	837,00	648,00	113,52	1.362,24		
		78	1		69,50	69,50	56,36	115,15	115,15		
		01	1		69,50	69,50	56,36	115,15	115,15	Đường Phú Quý 7C	NOXH 1 trệt 01 lầu
		02-13	12		69,75	837,00	648,00	113,52	1.362,24		
		14-22	9		69,75	627,75	486,00	113,52	1.021,68		
		23-32	10		69,75	697,50	540,00	113,52	1.135,20		

TT	THÔNG TIN CÔNG TRÌNH				DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH(M2)					Tên đường	Ghi chú
	Ký hiệu lô	Căn	Số căn	Tầng cao	Diện tích đất (m2)	Tổng Diện tích đất (m2)	Tổng Diện tích xây dựng (m2)	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Tổng Diện tích sàn (m2)		
9	S9	33	1	02 tầng	69,50	69,50	56,36	115,15	115,15	Đường Phú Quý 1	NOXH 1 trệt 01 lầu
		34	1		69,50	69,50	56,36	115,15	115,15		
		35-44	10		69,75	697,50	540,00	113,52	1.135,20		
		45-53	9		69,75	627,75	486,00	113,52	1.021,68		
		54-65	12		69,75	837,00	648,00	113,52	1.362,24		
		66	1		69,50	69,50	56,36	115,15	115,15		
10	S10	01	1	02 tầng	69,50	69,50	56,36	115,97	115,97	Đường Phú Quý 7C	NOXH 1 trệt 01 lầu
		02-13	12		69,75	837,00	648,00	113,36	1.360,32		
		14-26	13		69,75	906,75	702,00	113,36	1.473,68		
		27-38	12		69,75	837,00	648,00	113,36	1.360,32		
		39	1		69,50	69,50	56,36	115,97	115,97		
		40	1		69,50	69,50	56,36	115,97	115,97	Đường Phú Quý 1	NOXH 1 trệt 01 lầu
		41-52	12		69,75	837,00	648,00	113,36	1.360,32		
		53-65	13		69,75	906,75	702,00	113,36	1.473,68		
		66-77	12		69,75	837,00	648,00	113,36	1.360,32		
		78	1		69,50	69,50	56,36	115,97	115,97		
TỔNG		751				52.301,93	40.064,90		84.276,78		